TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày 16/6/2021
V/v: "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lăng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Quốc Thanh, Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc: Ông Thạch Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 371/2020/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc "*ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 12/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2021. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phan Thị Bích S, sinh năm 1986 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp PH, xã PS huyện CL, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Trần Minh T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi đăng ký thường trú: ấp CM, xã TN, huyện MCB, tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp TT 5, xã TT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2020 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Bích S trình bày: do quen biết, tìm hiểu, chị và anh Trần Minh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Ngãi, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre vào năm 2008. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được 05 năm sau đó thường xuyên mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, nhiều lần uống rượu về chửi mắng, xúc phạm, đuổi vợ con đi, nhiều lần bạo hành đối với chị và còn sử dụng chất ma túy. Do không thể sống với nhau được nữa, không còn tình cảm nên chị đã về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân với anh T từ đầu năm 2021, nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Anh chị có hai con chung tên Trần Phú Thành L, sinh ngày 06/7/2012 hiện đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng và Trần Tuấn K, sinh ngày 22/11/2018 hiện do chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, do cháu L muốn ở với cha nên chị đồng ý để anh T nuôi cháu L, chị không cấp dưỡng; chị yêu cầu được nuôi cháu K và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, chị S tự xác định giữa chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Minh T trình bày: Anh thống nhất với chị S về điều kiện, thời gian kết hôn. Về tình trạng hôn nhân thì do đi làm, bạn bè rủ rê nên nhiều lần anh uống rượu say và có chửi, đuổi vợ đi. Cũng do bạn bè cũng rủ rê nên anh T có vài lần sử dụng ma túy, một vài lần do uống rượu say nên có đánh vợ nhưng anh đã thấy cái sai của mình. Nay anh T còn thương vợ thương con, nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh chị có 02 con chung như lời trình bày của chị S. Nếu phải ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi cháu L, đồng ý để chị S nuôi cháu K, cả anh và chị S không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và về nợ chung: anh T tự xác định giữa anh và chị S không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ, vắng mặt tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, thấy rằng mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, anh chị không cùng nhau xây dựng gia đình mà để xảy ra bạo lực gia đình, anh T lại sử dụng chất ma túy làm ảnh hưởng hạnh phúc của vợ chồng nên căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S, cho chị và anh T ly hôn nhau. Về nuôi con chung, chị S và anh T có 02 con chung trong đó chị S đang trực tiếp nuôi cháu Trần Tuấn K, sinh ngày 22/11/2018 hiện chưa đủ 36 tháng tuổi, anh T đang trực tiếp nuôi cháu Trần Phú Thành L, sinh ngày 06/7/2012. Để đảm bảo sự phát triển bình thường của các cháu về tinh thần và thể chất, đề nghị Tòa án cho chị S được tiếp tục nuôi cháu K, anh T được nuôi cháu L như yêu cầu của các anh chị, ghi nhận chị S và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của chị S và anh T trong cùng vụ án do các anh chị không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc: "*Xin ly hôn*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Xét thấy bị đơn Trần Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Bích S đối với anh Trần Minh T, thấy rằng:

Về hôn nhân: Chị Phan Thị Bích S và anh Trần Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh chị nhìn nhận mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc anh T thường xuyên uống rượu say về chửi, đuổi chị S đi và bạo hành đối với chị. Chị S đã yêu cầu anh T sửa đổi nhưng anh vẫn không thay đổi mà còn sử dụng chất ma túy. Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị không yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc mà anh T còn gây ra bạo lực gia đình và va vào tệ nạn ma túy làm cho đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S, cho chị và anh T ly hôn nhau.

Về nuôi con chung: chị S và anh T có 02 con tên Trần Phú Thành L, sinh ngày 06/7/2012 và Trần Tuấn K, sinh ngày 22/11/2018. Hiện tại cháu L đang do anh T nuôi dưỡng và cháu L cũng có nguyện vọng được sống cùng với anh T, cháu K chưa đủ 36 tháng tuổi và đang do chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo sự phát triển bình thường của các cháu về thể chất và tinh thần, cần chấp nhận cho chị S được nuôi cháu K, anh T được nuôi cháu L như yêu cầu của các anh chị. Chị S và anh T không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Về tài sản chung và về nợ chung: chị S và anh T tự xác định giữa anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết trong cùng vụ án.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Phan Thị Bích S phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[1] Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Bích S. Chị Phan Thị Bích S được ly hôn với anh Trần Minh T.

[2] Về nuôi con chung: chị Phan Thị Bích S được trực tiếp nuôi con tên Trần Tuấn K, sinh ngày 22/11/2018; anh Trần Minh T được trực tiếp nuôi con tên Trần Phú Thành L, sinh ngày 06/7/2012. Ghi nhận chị S và anh T không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các bên, cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và về nợ chung: chị S và anh T tự xác định giữa anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Phan Thị Bích S phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003849 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKS ND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi Cục THA DS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã Thạnh Ngãi;
(Số 82/2008 ngày 01/9/2008)
- Lưu HS, VP (2b).

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Lăng